

Bản án số: 470/2025/HS-PT
Ngày 25/6/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thu

Ông Vũ Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 302/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 04 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Xuân C và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 112/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1/ Nguyễn Xuân C; giới tính: Nam; sinh ngày 01/4/1976, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 1 L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt tại: G N, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; con ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1928 (đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm: 1931 (đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thanh N, sinh năm 1979 và có 01 người con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giam kể từ ngày 14/12/2022 tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa);

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân C: Luật sư Lê Thị Thanh L, Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt tại phiên tòa)

2/ Phạm Quốc Q2; giới tính: Nam; sinh ngày 15/8/1979, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 1 ấp C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt tại: 2 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học

vấn: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; con ông Tất Quốc Q, sinh năm: 1949 (đã chết) và bà Phạm Thị N1, sinh năm: 1949; bị cáo là còn duy nhất, có vợ là Đỗ Kim P, sinh năm 1980 và có 01 người con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Theo Bản án số 392/HSST ngày 19/11/1997 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 06 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân”.

- Theo Bản án số 105/HSST ngày 23/8/2005 của Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 06 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo được miễn thi hành án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, riêng đối với phần bồi thường dân sự, Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 11 chưa thụ lý thi hành do chưa nhận được đơn yêu cầu bồi thường.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giam kể từ ngày 16/12/2022 tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Quốc Q2: Ông Trần Như L1, Luật sư thuộc Công ty L5, Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt tại phiên tòa);

3/ Lý Thị Diễm P1; giới tính: Nữ; sinh ngày 06/01/1999, tại tỉnh Bến Tre; hộ khẩu thường trú và trú tại: 4 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; con ông Lý Văn T, sinh năm 1975 và bà Lê Thị R, sinh năm: 1976; bị cáo có chồng là Nguyễn Phú N2, sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 29/11/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa);

Người bào chữa cho bị cáo Lý Thị Diễm P1: Luật sư Lê Thị Thanh L, Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt tại phiên tòa)

4/ Trương Thùy T1; giới tính: Nữ; sinh ngày 30/12/1973, tại tỉnh Long An; hộ khẩu thường trú và trú tại: B Hồ T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trương Văn D, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; bị cáo có chồng là Phùng Văn T2, sinh năm 1964 và có 02 người con cùng sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giam kể từ ngày 15/12/2022 tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Đã chuyển đến Trại tạm giam Bó L2 và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thùy T1: Ông Đàm Văn H và ông Đỗ Văn L3, Luật sư thuộc Công ty L6, Đoàn luật sư Thành phố H. (vắng mặt tại phiên tòa)

5/ Hoàng Thị H1; giới tính: Nữ; sinh ngày 05/9/1975, tại tỉnh Hải Dương; hộ khẩu thường trú và trú tại: 7 Đường số D, KP11, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; con ông Hoàng Ngọc U, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q1 (không rõ năm sinh); bị cáo có chồng là Nguyễn Văn G, sinh năm 1974 và có 02 người con (con lớn, sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/3/2024 đến nay. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa);

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị H1: Ông Hà H2, Luật sư thuộc Văn phòng L7, Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt tại phiên tòa);

6/ Bùi Đắc K; giới tính: Nam; sinh ngày 01/7/1961, tại tỉnh Quảng Ngãi; hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện tại: 32 Đường D, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty V1; con ông Bùi C1, sinh năm 1929 (đã chết) và bà Trương Thị N3, sinh năm 1936 (đã chết); bị cáo đã ly hôn với vợ là Trần Thị P2, sinh năm 1974 và có 01 người con, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/3/2024 đến nay. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa);

- Bị cáo không kháng cáo nhưng có liên quan đến nội dung kháng cáo của các bị cáo có kháng cáo.

7/ Trương Phong H3; giới tính: Nam; sinh ngày 23/8/1998, tại tỉnh Phú Yên; hộ khẩu thường trú: P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở trước khi bị bắt: G N, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trương Văn P3, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giam kể từ ngày 14/12/2022 tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Tòa không triệu tập)

- Nội dung kháng cáo: Tất cả 6 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin hưởng án treo.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Ao Vạn H5, Đặng Văn H6, Huỳnh Nhật K1, Đào Tấn P4 và 25 đương sự khác được xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo và nội dung kháng cáo của các bị cáo không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án có liên quan đến yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được tóm tắt như sau:

Ngày 13/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 tiến hành kiểm tra tại bãi xe không số đối diện số E Đường H C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh do Ao Vạn H5 quản lý, phát hiện tại 02 kho hàng phía cuối bãi xe có chứa một số lượng thuốc tân dược nghi giả các nhãn hiệu TERPIN-CODEIN (do Công ty cổ phần H9 sản xuất), D1 (do Công ty cổ phần H9 sản xuất), Asmacort (do Công ty cổ phần H9 sản xuất), TERPIN-CODEIN (do Công ty cổ phần H9.PHARM sản xuất), G1 (do Công ty TNHH H9 sản xuất); cùng với một số lượng nguyên vật liệu, công cụ, phương tiện dùng để sản xuất thuốc giả. Qua làm việc ban đầu, xác định số thuốc tân dược nêu trên là hàng giả, do Nguyễn Xuân C thuê Ao Vạn H5 và một số đối tượng khác tiến hành sản xuất, buôn bán tại địa chỉ nêu trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3 đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Ao Vạn H5, tại địa chỉ: A C, Phường D, Quận H; Nguyễn Xuân C, tại địa chỉ: G N, Phường D, Quận H, kết quả thu giữ nhiều đồ vật, tài liệu nghi vẫn có liên quan đến việc sản xuất, mua bán thuốc giả.

Mở rộng điều tra Công an Q3 tiến hành khám xét khẩn cấp đối với các đối tượng tiêu thụ thuốc tân dược giả do C sản xuất, gồm: Phạm Quốc Q2 tại địa chỉ: 2 T, Phường A, Quận A, TP .; Huỳnh Nhật K1, tại địa chỉ: 2 T, Phường A, Quận A, TP .; Đặng Văn H6 tại địa chỉ: C tổ B, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình khám xét thu giữ một số lượng lớn thuốc tân dược giả các loại.

1. Diễn biến hành vi phạm tội cụ thể như sau:

1.1. Hành vi sản xuất thuốc giả của Nguyễn Xuân C, Ao Vạn H5, Trương Phong H3, Trương Thùy T1, Hoàng Thị H1, Bùi Đắc K:

Từ tháng 01/2021 đến khi bị phát hiện, Nguyễn Xuân C tổ chức sản xuất thuốc tân dược giả các loại, với phương thức, thủ đoạn như sau: C thuê nhiều địa điểm khác nhau để sản xuất thuốc giả, đến tháng 10/2022, thuê mặt bằng tại bãi xe không số, đối diện địa chỉ 55 Đường H C, Phường D Quận H, TP . để sản xuất và cất giấu thuốc giả thành phẩm. C thuê Ao Vạn H5, Trương Thùy T1 và 02 đối tượng chưa rõ lai lịch tên T, N4 (do Ao Vạn H5 thuê theo chỉ đạo của C) để sản xuất thuốc chữa bệnh giả các nhãn hiệu: Gold 500, C, C, T - Codein viên nang, T3 - Codein viên nén, Ciproxacin 500, D, A, Cepha P, C, Cefixim 200mg, Amoxicilin 500, M, G. C chịu trách nhiệm mua nguyên liệu; Công việc của Ao Vạn H5 là trông coi, quản lý việc sản xuất hàng giả, tham gia sản xuất trong công đoạn dán tem nhãn, đóng thùng sản phẩm và thay mặt C trả tiền công cho nhân viên. Ao Vạn H5, T, N4 tham gia sản xuất trong công đoạn cho bột năng vào khuôn để ép, cho thuốc vào lọ để T1 dán nhãn, đóng thùng sản phẩm. Ngoài ra, khi có nhiều đơn hàng giao không kịp cho khách, C chỉ đạo Trương Phong H3 phụ đóng gói, xếp vào thùng và đi giao.

- Về nguyên liệu dùng để sản xuất thuốc chữa bệnh giả:

Nguyễn Xuân C đặt mua chai, lọ, miếng dán miệng chai, nắp nhựa của Nguyễn Tường V, Giám đốc Công ty TNHH S4, địa chỉ C N, Phường I, quận G, TP ., giao hàng cho C bằng dịch vụ vận chuyển Ahamove, thanh toán bằng cách sử dụng tài khoản số 366284488 đứng tên Nguyễn Xuân C, mở tại Ngân hàng A4 chuyển đến tài khoản số 0071000896258 đứng tên Nguyễn Tường V tại Ngân hàng V2. C đặt hàng vỏ viên nang của Lê Thị Ánh N5 qua tài khoản Zalo với tên “Nguyệt Nang”, số điện thoại: 0978106359, thanh toán bằng cách sử dụng tài khoản cá nhân của C chuyển đến tài khoản số 6460205059238 đứng tên Lê Thị Ánh N5 tại Ngân hàng A5; C đặt in nhãn và giấy hướng dẫn sử dụng thuốc Cefadroxil tại Công ty Cổ phần I (do Phạm Ngọc Thanh T4 làm Giám đốc), giao hàng bằng dịch vụ vận chuyển Ahamove; Thanh toán bằng cách sử dụng tài khoản cá nhân của C chuyển đến tài khoản số 185255189 đứng tên Lương Thị Ngọc T5 tại Ngân hàng A4; C đặt in nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng các loại thuốc gồm: Ciproxacin 500, TerpinCodein, Amoxicilin 500mg, Cephalixin 500mg tại Công ty TNHH MTV V1 (do Bùi Đắc K làm Giám đốc), giao hàng bằng dịch vụ vận chuyển Ahamove; Thanh toán bằng cách sử dụng tài khoản cá nhân của C chuyển đến tài khoản số 119519509 đứng tên Bùi Đắc K tại Ngân hàng A4; C liên hệ với Hoàng Thị H1 (Giám đốc Công ty TNHH S5), đặt in nhãn hiệu vỏ hộp Xuyên T6 liên, thuốc nhỏ mũi RHINEX 0,05%, tinh dầu trà và tem nhãn, hướng dẫn sử dụng thuốc Gold 500; Giấy hướng dẫn sử dụng Decotyl, nhãn hiệu Cephalixin 500. Giao hàng bằng dịch vụ vận chuyển Ahamove; Thanh toán bằng cách sử dụng tài khoản cá nhân của C chuyển đến tài khoản số 060018328448, đứng tên Hoàng Thị H1 tại Ngân hàng S6.

Ngoài ra, Nguyễn Xuân C còn đặt các nhãn hiệu khác để sản xuất thuốc giả các loại ở trên mạng, không rõ thông tin, lai lịch; trực tiếp đi mua bột năng, bông gòn ở nhiều địa điểm khác nhau tại Quận E, không rõ địa chỉ, thanh toán bằng tiền mặt.

C còn sử dụng pháp nhân Công ty D2, do C thành lập, để đặt mua viên thuốc nén và viên thuốc nén bao phim, tại Công ty Cổ phần H9, địa chỉ: Tổ C, phường T, quận H, TP . và Công ty TNHH H9, địa chỉ: Đường D, KCN Y, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Về cách thức sản xuất thuốc giả: Đối với thuốc giả loại viên nang, sản xuất bằng cách cho vỏ viên nang vào khuôn, cho bột năng vào rồi ép thành viên, bỏ viên nang vào lọ, đậy nắp và dán nhãn cho ra thuốc giả thành phẩm loại viên nang. Đối với thuốc giả loại viên nén, sản xuất bằng cách lấy viên nén đã có sẵn cho vào lọ đậy nắp và dán nhãn, hoàn thành việc sản xuất thành phẩm thuốc giả viên nén.

- Về việc tiêu thụ thuốc giả: Thuốc chữa bệnh giả sau khi sản xuất, C tiêu thụ bằng cách bán cho Huỳnh Nhật K1, Phạm Quốc Q2, Lý Thị Diễm P1, Đào Tấn P4 và nhiều cá nhân khác (không rõ lai lịch). C trực tiếp hoặc chỉ đạo

Trương Phong H3 đi giao hàng cho khách. C sử dụng các tài khoản số 0511000421431 mở tại Ngân hàng V2, tài khoản 366284488, tài khoản số 10476 mở tại Ngân hàng A4, đứng tên Nguyễn Xuân C; Ngoài ra, C còn sử dụng các tài khoản số 250512392 mở tại Ngân hàng V3, số 056099002262 mở tại Ngân hàng V4 và số 9281414440600001 mở tại Ngân hàng N8, đứng tên Nguyễn Huỳnh T7 để thực hiện việc giao dịch thanh toán.

1.2. Hành vi buôn bán thuốc giả của Phạm Quốc Q2, Huỳnh Nhật K1, Lý Thị Diễm P1, Đào Tấn P4:

- Phạm Quốc Q2: Từ năm 2021 đến khi bị phát hiện, Phạm Quốc Q2 có đặt mua của Nguyễn Xuân C các loại thuốc giả gồm: Metronidazol, A, A1, C2, Terpin C3, D, Glotal 500. Lần cuối cùng Q2 mua thuốc giả của C là tháng 11/2022, loại Metronidazol.

Cách thức thực hiện như sau: khi cần mua thuốc tân dược giả, Quyền trao đổi với C qua Zalo để đặt số lượng, loại sản phẩm. Sau khi nhận hàng, Quyền thanh toán bằng cách sử dụng tài khoản số 0251002755811, đứng tên Phạm Quốc Q2, mở tại Ngân hàng V2 chuyển khoản đến tài khoản số 366284488, đứng tên Nguyễn Xuân C tại Ngân hàng A4.

Căn cứ kết quả sao kê tài khoản của Nguyễn Xuân C và Phạm Quốc Q2, từ tháng 01/2021 đến ngày 05/12/2022, Q2 đã chuyển khoản cho C tổng số tiền là 2.191.688.000 đồng để thanh toán tiền mua bán thuốc giả.

- Huỳnh Nhật K1: Từ khoảng tháng 06/2021 đến khi bị phát hiện, Huỳnh Nhật K1 đặt mua thuốc tân dược giả của Nguyễn Xuân C các loại gồm: Gold 500, C, C, Terpin-Codein (dạng viên nén, viên nang), Ciproxacin 500, Decotyl, A, Cepha P5, C, A để bán lại cho người khác kiếm lời.

Cách thức mua bán thực hiện như sau: Khoa trao đổi với C qua Zalo để đặt số lượng, loại sản phẩm. Sau khi nhận hàng, K1 thanh toán bằng cách sử dụng tài khoản số 060258354845, đứng tên Huỳnh Nhật K1 mở tại Ngân hàng S7 chuyển tiền đến tài khoản số 10476, 366284488 mở tại Ngân hàng A4, đứng tên Nguyễn Xuân C và tài khoản số 250512392, đứng tên Nguyễn Huỳnh Tân M1 tại Ngân hàng V5. Số thuốc giả nêu trên, K1 tiêu thụ bằng cách bán cho khách vãng lai thông qua mạng xã hội Zalo và giao hàng thông qua các dịch vụ vận chuyển Grap, A2...

Căn cứ kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của Huỳnh Nhật K1, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Huỳnh T7, từ ngày 07/6/2021 đến ngày 09/12/2022, K1 đã chuyển khoản cho C tổng số tiền là 4.395.513.000 đồng để thanh toán tiền mua bán thuốc giả.

- Lý Thị Diễm P1: Từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2022, Lý Thị Diễm P1 đặt mua thuốc tân dược giả của Nguyễn Xuân C các loại gồm: A6, G, A để bán lại cho người khác kiếm lời.

Cách thức mua bán thực hiện như sau: P1 trao đổi với C qua Zalo để đặt

số lượng, loại sản phẩm. Sau khi nhận hàng, P1 thanh toán bằng cách sử dụng tài khoản số 0251002765591, đứng tên Lý Thị Diễm P1, mở tại Ngân hàng V2 chuyển tiền vào tài khoản số 366284488, đứng tên Nguyễn Xuân C tại Ngân hàng A4 và tài khoản số 250512392, đứng tên Nguyễn Huỳnh Tân M1 tại Ngân hàng V3. Sau khi mua thuốc giả từ C, P1 bán toàn bộ ra ngoài thị trường cho các cá nhân trên mạng xã hội, bằng hình thức giao hàng qua dịch vụ vận chuyển, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Ngoài bán các loại thuốc giả của Nguyễn Xuân C, P1 còn bán các loại thuốc chính hãng khác nên không xác định được khách hàng nào đã mua thuốc giả nêu trên.

Căn cứ kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của Lý Thị Diễm P1, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Huỳnh T7, từ ngày 26/7/2021 đến ngày 07/12/2022, P1 đã chuyển khoản cho C tổng số tiền là 867.174.000 đồng để thanh toán tiền mua bán thuốc giả.

- Đào Tấn P4: Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, Đào Tấn P4 đặt mua thuốc tân dược giả của Nguyễn Xuân C các loại gồm: Decotyl fort, C2, C, G để bán lại cho người khác kiếm lời. Tính đến ngày bị phát hiện, P4 thu lợi bất chính khoảng 10.000.000 đồng.

Cách thức mua bán như sau: P4 trao đổi với C qua Zalo đặt số lượng, loại sản phẩm. Sau khi nhận hàng, Phát thanh T8 bằng cách sử dụng tài khoản số 1100104516007, đứng tên Đào Tấn P4, mở tại Ngân hàng M3 chuyển tiền vào tài khoản số 366284488, đứng tên Nguyễn Xuân C, mở tại Ngân hàng A4 và tài khoản số 250512392, đứng tên Nguyễn Huỳnh T7, mở tại Ngân hàng V3. Sau khi mua thuốc giả từ C, P4 bán toàn bộ ra ngoài thị trường cho các cá nhân trên mạng xã hội, bằng hình thức giao hàng qua dịch vụ vận chuyển, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Ngoài bán các loại thuốc giả của Nguyễn Xuân C, P4 còn bán các loại thuốc chính hãng khác nên không xác định được khách hàng nào đã mua thuốc giả nêu trên.

Căn cứ kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của Đào Tấn P4, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Huỳnh T7, từ ngày 18/10/2022 đến ngày 13/12/2022, P4 đã chuyển khoản cho C tổng số tiền là 302.125.000 đồng để thanh toán tiền mua bán thuốc giả.

1.3. Hành vi sản xuất, buôn bán thuốc giả của Đặng Văn H6:

- Vào tháng 12/2020, Phạm Quốc Q2 sử dụng số điện thoại 0903638364 lập tài khoản Zalo tên “Phạm Quốc Q2”, để đăng thông tin bán thuốc tân dược. Quá trình hoạt động, Quyền giao dịch mua bán thuốc tân dược với Đặng Văn H6, sử dụng tài khoản Zalo tên “Hóa Pharma”, số điện thoại 0912829482. Đến khoảng tháng 5/2021, H6 trao đổi với Q2 về việc H6 sẽ sản xuất thuốc giả hiệu Ciproxacin 500, để Q2 bán ra thị trường. Cụ thể như sau:

Hóa mua thuốc Meko-Allergy F, do Công ty Cổ phần H9 sản xuất, dùng để điều trị dị ứng, không có hoạt chất kháng sinh Ciprofloxacin, mang về tháo

bỏ nhãn hiệu. Sau đó lấy nhãn hiệu Ciproxacin 500, ghi nội dung chứa hoạt chất kháng sinh Ciprofloxacin hàm lượng 500mg (do H6 đặt hàng trên mạng) để dán lên lọ thuốc. Toàn bộ thuốc giả Ciproxacin 500, H6 sản xuất theo yêu cầu của Q2 và chỉ bán cho Q2. Mỗi tháng, H6 sản xuất được khoảng 1.000 lọ đến 1.500 lọ.

Về cách thức giao dịch, mua bán, H6 và Quyền giao dịch, thỏa thuận mua bán qua các tài khoản Zalo nêu trên. Hàng sẽ được giao qua Chành xe Thiên Phúc, địa chỉ 4 N, Phường A, Quận A, TP .. Tiền mua hàng được thanh toán bằng cách chuyển khoản ngân hàng từ tài khoản của Phạm Quốc Q2 sang tài khoản của Đặng Văn H6, cùng mở tại Ngân hàng V2. Sau khi trừ chi phí, H6 thu lợi được 5.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng/tháng từ việc sản xuất thuốc giả.

- Trong năm 2022, H6 đã nhiều lần mua thuốc giả từ Phạm Quốc Q2 (có nguồn gốc do Nguyễn Xuân C sản xuất) gồm: Thuốc giả nhãn hiệu Asmacort, M2.

- Căn cứ kết quả kiểm tra nội dung tin nhắn trao đổi giữa H6 - Quyền, xác định số tiền Q2 thanh toán cho H6 để mua thuốc giả Ciproxacin 500 là 178.920.000 đồng. Do H6 và Q2 thực hiện chuyển khoản qua lại cho nhau nhiều lần để thanh toán tiền mua bán nhiều loại thuốc tân dược khác ngoài các nhãn hiệu Asmacort, M2, nên không thể xác định được số tiền H6 thanh toán cho Q2 để mua 02 loại thuốc trên.

2. Kết quả ghi lời khai của các bị cáo:

- Nguyễn Xuân C khai nhận việc tổ chức sản xuất thuốc giả với cách thức như nêu trên. C thừa nhận mình là người trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức sản xuất hàng giả là thuốc tân dược các loại, trực tiếp mua nguyên vật liệu và tập kết tại kho. Ban đầu, C tự sản xuất để bán, đến cuối năm 2021 thì thuê Ao Vạn H5 sản xuất tại G N, Phường D, Quận H. C trả lương cho H5 7.000.000 đồng/tháng; T, N4, T1 trả lương 200.000 đồng/ngày, còn H3 thỉnh thoảng mới phụ C đi giao thuốc cho khách nên không trả lương mà chỉ lo ăn ở và chi phí sinh hoạt. Việc sản xuất không tiến hành liên tục, khi nào có khách đặt hàng thì C và H5 mới tiến hành sản xuất. C thu lợi bất chính 05%/Tổng số tiền bán thuốc giả cho khách. Như vậy căn cứ kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của Phạm Quốc Q2, Huỳnh Nhật K1, Lý Thị Diễm P1, Đào Tấn P4, tổng số tiền đã chuyển khoản cho C để thanh toán tiền mua thuốc giả là 7.756.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 387.825.000 đồng.

Ngoài bán thuốc giả bán cho Phạm Quốc Q2, Huỳnh Nhật K1, Lý Thị Diễm P1, Đào Tấn P4. C còn bán cho các đối tượng khác gồm: Cao Thị Kim N6, Lê Hoàng S, T10, L4 và nhiều cá nhân khác (không rõ lai lịch).

C nhờ T7 mở các tài khoản tại Ngân hàng V4, V3, N9 để C sử dụng và T7 không tham gia vào việc sản xuất thuốc giả. Ngoài việc sử dụng các tài khoản

ngân hàng trên để giao dịch mua bán thuốc giả, C còn sử dụng để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay mượn tiền.

- Ao Vạn H5 khai: Từ tháng 10/2021, H5 được Nguyễn Xuân C thuê để sản xuất thuốc giả; Công việc của H5 là tìm mặt bằng, trực tiếp tham gia sản xuất thuốc giả, giúp C trả tiền cho nhân viên. Ban đầu, việc sản xuất được thực hiện tại G N, Phường D, Quận H; Đến tháng 10/2022, theo sự chỉ đạo của C, H5 đi tìm địa điểm thuê kho tại bãi xe không số đối diện 55 Đường H, Phường D, Quận H để thực hiện việc sản xuất thuốc giả; cả nhóm gồm H5, T1 (tính đến ngày bị phát hiện mới vào làm được khoảng 10 ngày), N4, T tham gia sản xuất đến tháng 11/2022 thì C thông báo tạm nghỉ. Việc sản xuất thuốc giả không tiến hành liên tục, khi nào C thông báo thì mới làm. Tổng số tiền C trả công cho H5 trong việc tham gia sản xuất thuốc giả là 39.000.000 đồng, H5 dùng trả công cho T1, T, N4 hết 16.000.000 đồng, còn lại 23.000.000 đồng H5 được hưởng. Hiện gia đình của H5 đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền thu lợi bất chính là 23.000.000 đồng.

- Trương Thùy T1 khai: Từ ngày 05/11/2022, C thuê T1 sản xuất thuốc giả chữa bệnh tại địa chỉ số E Đường H C, Phường D Quận H. Tại đây còn có H5, T, N4 đã sản xuất thuốc giả từ trước. Ngoài ra, còn có H3 đến lấy thuốc giả cho C và thỉnh thoảng phụ giúp đóng gói. T1 được trả công với số tiền là 200.000đ/ngày. Công việc của T1 là đóng gói, dán nhãn hiệu từng mặt hàng theo yêu cầu của C. Trình tham gia sản xuất được khoảng 10 ngày thì bị bắt, được trả công 2.000.000 đồng. Hiện gia đình của T1 đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính trên.

- Trương Phong H3 khai: Từ tháng 07/2021, H3 được C cho cư trú tại địa chỉ G N, Quận H. Quá trình sinh sống, thỉnh thoảng H3 có phụ C đóng gói thuốc giả; vận chuyển, sắp xếp các thùng thuốc giả thành phẩm và đi giao cho khách hàng. Quá trình phụ giúp, H3 biết C sản xuất thuốc giả do thấy C đặt mua nguyên liệu dùng để sản xuất thuốc; việc sản xuất, tiêu thụ thuốc được thực hiện lén lút. H3 không được trả tiền lương, H3 chỉ được C cho ở chung, lo ăn uống, trả tiền học phí, cho tiền sinh hoạt mỗi tháng khoảng 1.000.000 đồng.

- Huỳnh Nhật K1 khai: Khoa bắt đầu mua bán thuốc giả với Nguyễn Xuân C từ tháng 6/2021, quá trình mua bán K1 biết rõ đây là thuốc giả do đã mua của C nhiều lần và giá bán rẻ hơn nhiều so với giá thuốc cùng loại trên thị trường. K1 tiêu thụ số thuốc giả này bằng cách bán lẻ cho khách, quảng cáo trên các trang mạng xã hội và sử dụng dịch vụ vận chuyển để giao hàng. K1 không nhớ số lượng mua bán, do không cập nhật sổ sách. Đối với số thuốc giả thu giữ tại nhà của K1 gồm G, C, D, A, T3 - Codein viên nang, T3 - Codein viên nén, Cefixim 200mg, Celecod 200, Cephalixin 500, Cepha P, Amoxicilin 500, Cefadroxil 500 là do K1 mua của Nguyễn Xuân C; đối với các loại thuốc bị thu giữ còn lại là do K1 mua trên mạng, không rõ thông tin người bán. Ngoài ra, K1 còn mua thuốc tân dược của Lý Thị Diễm P1 cùng một số đối tượng không rõ lai

lịch để bán lại cho người khác kiếm lời. Tính đến ngày bị phát hiện, K1 thu lợi bất chính khoảng 150.000.000 đồng. Gia đình của K1 đã nộp cho Cơ quan điều tra toàn bộ số tiền thu lợi bất chính trên.

- Phạm Quốc Q2 khai: Vào tháng 12/2020, Quyền sử dụng số điện thoại 0903638364 để lập tài khoản Zalo tên “Phạm Quốc Q2”, để đăng thông tin bán thuốc tân dược và có mua bán các loại thuốc với Nguyễn Xuân C. Đầu năm 2021, Q2 bắt đầu mua thuốc chữa bệnh giả của C gồm các nhãn hiệu Metronidazol, A, A3, C2, C4, để bán lại kiếm lời. Quyền biết rõ đây là thuốc giả, do Q2 đã biết C sản xuất thuốc giả từ lâu và giá bán rẻ hơn nhiều so với giá thuốc cùng loại trên thị trường. Ngoài mua bán thuốc giả với C, Q2 còn mua thuốc kháng sinh Ciproxacin 500 giả do Đặng Văn H6 sản xuất như trên; Quyền còn mua thuốc Salbutamol, S1, B của H6. Quá trình Quyền mua bán thuốc giả với H6, Q2 có bán cho H6 thuốc giả nhãn hiệu Asmacort, M2 do Nguyễn Xuân C sản xuất. Tính đến ngày bị phát hiện, Q2 thu lợi bất chính được số tiền khoảng 85.000.000 đồng.

Ngoài ra, Q2 còn mua bán thuốc với Lý Thị Diễm P1 (L, B1). Ngoài buôn bán thuốc giả, C có mua bán thuốc thật với nhiều cá nhân, nhà thuốc, công ty khác.

- Đặng Văn H6 khai: H6 thừa nhận sản xuất thuốc kháng sinh Ciproxacin 500 giả bán cho Phạm Quốc Q2 như trên từ giữa năm 2021 và không bán cho ai khác ngoài Quyền. Mỗi tháng, H6 sản xuất khoảng từ 10 đến 15 thùng Ciproxacin 500 giả, mỗi thùng 100 lọ. Tính đến ngày bị phát hiện, H6 thu lợi bất chính khoảng 80.000.000 đồng. Hiện gia đình của H6 đã nộp lại 20.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Trong năm 2022: Hóa nhiều lần mua thuốc giả nhãn hiệu Asmacort của Q2 với giá 45.000đ/lọ, tổng số lượng là 80 lọ để bán cho khách hàng để điều trị hen suyễn (Hóa biết thuốc trên là giả do thuốc Asmacort đã không còn sản xuất ngoài thị trường; H6 mua thuốc kháng sinh Metronidazol của Q2 với giá 68.000 đồng, đối với loại thuốc này, H6 không biết có phải hàng giả hay không vì Q2 bán cho Hóa giá tương đương với thật và không nhớ số lượng, thành tiền đã mua của Q2 là bao nhiêu; H6 và Q2 còn mua bán với nhau nhiều loại thuốc tân dược khác như S2, S1, B2.

- Hoàng Thị H1 khai: Vào đầu tháng 07/2021, Nguyễn Xuân C liên lạc với H1 đặt in cho C các nhãn hiệu thuốc, giấy hướng dẫn sử dụng, vỏ hộp thuốc. H1 đồng ý, thì C kết bạn với H1 qua Zalo của H1 là “Hạnh Hoàng” và gửi cho H1 các file mẫu sản phẩm gồm: vỏ hộp Xuyên Tâm Liên, thuốc nhỏ mũi RHINEX 0,05%, tinh dầu trầm và tem nhãn; Giấy hướng dẫn sử dụng thuốc Ciproxacin 500, G, D. Sau khi nhận được mẫu H1 chỉ đạo nhân viên đặt bản kẽm bên ngoài và in tại xưởng của Công ty S5 các nhãn hiệu trên theo số lượng mà C đặt. Sau khi in xong, H1 thuê dịch vụ vận chuyển hoặc nhờ nhân viên giao cho C tại địa chỉ: G N, Phường D, Quận H. Từ tháng 7/2021 đến 8/2021, H1 đã

in các nhãn hiệu thuốc và giao cho C với số lượng như sau: vỏ hộp Xuyên Tâm Liên, in 5.000 cái, tổng tiền là 15.000.000 đồng; thuốc nhỏ mũi RHINEX 0,05%, in 15.000 cái; tinh dầu tràm, in 3.000 cái, tổng tiền là 7.000.000 đồng; N7 và hướng dẫn sử dụng Gold 500, in 5.000 nhãn, tổng tiền là 5.000.000 đồng; Hướng dẫn sử dụng Decotyl, in 1.000 cái, tổng tiền là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền các đơn hàng trên là 48.000.000 đồng, nhưng C chỉ mới chuyển khoản thanh toán 38.040.000 đồng nên H1 không tiếp tục in mẫu nhãn Ciproxacin 500 cho C. H1 đã nộp lại cho Cơ quan điều tra toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Bản thân H1 biết theo quy định tại Điều 21 Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định đối với bao bì, nhãn sản phẩm hàng hóa là dược phẩm, hóa dược, thuốc chữa bệnh, khi làm cần phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp, được cơ quan quản lý Nhà nước về y tế có thẩm quyền cấp. Tuy nhiên, vì muốn kiếm thêm thu nhập nên H1 đã bỏ qua quy định pháp luật như trên để in các nhãn hiệu cho C.

- Bùi Đắc K khai: Khoảng tháng 3/2021, Nguyễn Xuân C sử dụng tài khoản Zalo tên “Xilung da” liên hệ với nhân viên Công ty V1 là Hứa Thành Đ1 thông qua tài khoản Zalo “Vĩnh Tú” để đặt in các nhãn hiệu thuốc Ciproxacin 500, TerpinCodein, Amoxicilin 500mg, Cephalexin 500mg của Công ty cổ phần H9. Đ1 đồng ý và báo giá, gửi địa chỉ mail vinhtu142142@gmail.com Công ty để C sử dụng tài khoản mail newfood1976@gmail.com file các nhãn hiệu thuốc trên cho Đ1. Đ1 in thử mẫu cho C xem và C đồng ý đặt in mỗi loại từ 500 đến 1.000 nhãn. Sau khi tiếp nhận đơn hàng, Đ1 gửi thông tin đơn hàng của C lên nhóm cho Bùi Đắc K để thông báo tiếp nhận đơn hàng, lập hóa đơn thanh toán tiền in. Sau khi in xong, Đ1 thông báo cho C đặt dịch vụ vận chuyển đến Công ty nhận hàng. Sau đó, C có đặt in thêm mỗi lần từ 500 đến 1.000 nhãn và đều thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bùi Đắc K. Từ tháng 3/2021 đến 3/2022, Đ1 in cho C khoảng 10 lần, khoảng 14.000 tờ, tổng số tiền đã thanh toán là 10.150.000 đồng. K đã nộp lại cho Cơ quan điều tra toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Bản thân K biết theo quy định tại Điều 21 Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định đối với bao bì, nhãn sản phẩm hàng hóa là dược phẩm, hóa dược, thuốc chữa bệnh, khi làm cần phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp, được cơ quan quản lý Nhà nước về y tế có thẩm quyền cấp. Tuy nhiên, vì muốn kiếm thêm thu nhập nên K đã bỏ qua quy định pháp luật như trên để in các nhãn hiệu cho C.

- Lý Thị Diễm P1 khai: P1 khai nhận hành vi phạm tội như trên. P1 mua thuốc giả hiệu Asmacort với giá 30.000 đồng/chai; Gold 500 với giá 70.000 đồng/1 chai; Amoxicilin với giá 70.000 đồng/chai (thấp hơn thị trường từ 30% đến 40%). Mỗi lần, P1 mua từ 20 chai đến 50 chai thuốc Asmacort; từ 20 chai đến 290 chai, thuốc Gold 500; từ 20 chai đến 100 chai, thuốc Amoxicilin. P1 nhận biết các loại thuốc do Nguyễn Xuân C bán là thuốc giả do thuốc tân dược

của C không được đóng gói, dán tem đúng quy cách của Công ty sản xuất, mặt khác giá thuốc do C bán rẻ hơn nhiều so với giá thuốc cùng loại trên thị trường. P1 mua thuốc giả của C tổng cộng 48 lần, lần cuối cùng là ngày 07/12/2022, loại Amoxicilin với số lượng 50 chai (70.000 đồng/chai), tổng số tiền là 3.500.000 đồng. Tính đến ngày bị phát hiện, P1 thu lợi bất chính khoảng 70.000.000 đồng và đã nộp lại toàn bộ số tiền trên cho Cơ quan điều tra. Ngoài việc mua bán thuốc giả với Nguyễn Xuân C, Lý Thị Diễm P1 còn mua bán nhiều loại thuốc không rõ nguồn gốc với Huỳnh Nhật K1 và Phạm Quốc Q2. Tuy nhiên, không xác định được các loại thuốc mà P1 bán cho K1, Q2 là thật hay giả.

- Đào Tấn P4 khai: P4 thừa nhận hành vi phạm tội như trên. P4 mua thuốc giả hiệu Decotyl fort giá 150.000 đồng/chai; Cefadroxil 500mg giá 55.000 đồng/chai; Cephalixin 500 giá 50.000 đồng/chai; Gold 500 giá 70.000 đồng/chai. Phát nhận biết các loại thuốc do Nguyễn Xuân C bán là thuốc giả do khách hàng phản hồi về chất lượng; thuốc C giao không được đóng gói, dán tem đúng quy cách của Công ty sản xuất và giá rẻ nên P4 vẫn tiếp tục mua thuốc giả của C bán ra thị trường để thu lợi bất chính. Phát mua thuốc giả của C tổng cộng 12 lần, trong đó căn cứ kết quả kiểm tra tin nhắn giữa C - P xác định: Ngày 08/12/2022, P4 mua thuốc giả Cefadroxil 500mg, số lượng 250 chai với tổng giá tiền là 13.750.000 đồng; Ngày 12/12/2022, P4 mua thuốc giả Cephalixin 500, số lượng 240 chai với tổng giá tiền là 12.000.000 đồng; Ngày 13/12/2022, P4 mua thuốc giả Gold 500, 1 thùng, số lượng 129 chai với tổng giá tiền là 9.100.000 đồng; Đối với 09 lần mua thuốc giả còn lại, do không có sổ sách nên P4 không nhớ số lượng từng lần mua bán. Tính đến ngày bị phát hiện, P4 thu lợi bất chính khoảng 10.000.000 đồng và đã nộp lại toàn bộ số tiền trên cho Cơ quan điều tra.

3. Lời khai của những người liên quan:

- Nguyễn Tường V khai: Năm 2017, Nguyễn Xuân C đến Công ty S4 đặt mua các mẫu chai lọ nhựa, không có nhãn hiệu. Khi cần đặt hàng, C liên lạc với V qua mạng xã hội Zalo. Khi có hàng, C tự đặt xe đến lấy hàng và thanh toán cho V bằng hình thức đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản. V không nhớ số lượng chai lọ mà C đặt mua và không biết mục đích mua hàng của C.

- Lê Thị Ánh N5 khai: Nguyệt kinh doanh viên nang rỗng tại nhà địa chỉ A L, phường B, quận B, từ đầu năm 2021 cho đến nay; không có đăng ký kinh doanh mà bán cho các khách hàng lẻ trên sàn thương mại điện tử S3, Facebook, Z và các trang web trên mạng. Nguyệt có bán viên nang rỗng nhãn hiệu Vincancap của Công ty CP H9 cho Nguyễn Xuân C trong thời gian từ đầu năm 2021 cho đến tháng 10/2022, số lượng khoảng 24 thùng viên nang rỗng size 0 (15 thùng, thùng 100.000 viên, giá 8.500.000 đồng/thùng) và size C6 (9 thùng, thùng 200.000 viên, giá 16.400.000 đồng/thùng). Tổng số tiền bán hàng là khoảng 253.718.000 đồng. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản và tiền mặt. Hiện C còn nợ N5 25.000.000đ tiền mua viên nang rỗng. N5 không biết C mua vỏ viên nang rỗng để sản xuất thuốc giả.

- Phạm Ngọc Thanh T4 khai: ông T4 là Giám đốc Công ty I, T4 giao cửa hàng và tài khoản email Công ty cho Tô Thụy Lê H7 quản lý. Đối với đơn hàng trên của Nguyễn Xuân C, H7 tự in và không hỏi ý kiến ông T4.

- Tô Thụy Lê H7 khai: H7 là nhân viên Công ty I. Ngày 15/6/2020, H7 có nhận 1 đơn đặt hàng in 2.000 nhãn sản phẩm thuốc nhãn hiệu Cefadroxil, tổng số tiền là 1.800.000 đồng từ Nguyễn Xuân C. C gửi file nhãn hiệu từ email newfood1976@gmail.com email annhangovap@gmail.com Khi nhận đơn đặt hàng, H7 yêu cầu C cung cấp giấy phép liên quan đến công ty H9. Sau đó, C có cung cấp nhưng H7 không nhớ tên Công ty. Do tin tưởng nên H7 đã thực hiện việc in ấn bao bì cho C.

- Nguyễn Huỳnh Tân khai: năm 2021, T7 đến địa chỉ G N, Phường D, Quận H phụ giúp Nguyễn Xuân C công việc kinh doanh. Trong thời gian ở đây, thỉnh thoảng T7 có phụ giúp C đóng gói thuốc tân dược các loại nhưng không biết đây là hàng giả. Ngoài ra, C có nhờ T7 mở các tài khoản tại Ngân hàng V4, N và V3 để C sử dụng, còn mục đích sử dụng như thế nào thì C không biết.

- Dương Thị Bích T9 khai: Ngày 20/10/2022, T9 có cho H1 thuê khoảng 9m² phía bên phải cuối kho tại địa chỉ: không số đường H C, Phường D, Quận H, việc thuê kho không làm hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng. T9 đã thu tiền thuê kho của H1 được 2 lần, lần đầu H1 trả trực tiếp bằng tiền mặt, lần hai nhận chuyển khoản từ tài khoản của Nguyễn Tấn P6. T9 chỉ biết H1 thuê kho để chứa hàng là 1 thùng giấy hộp thuốc, T9 không rõ thuốc gì, không biết có việc sản xuất thuốc tại đây.

- Cao Thị Kim N6 khai: từ năm 2018, N6 biết Nguyễn Xuân C là người bán sản phẩm vệ sinh răng miệng trẻ em và dầu nóng Thái Lan. Đến tháng 5/2021, N6 mở cửa hàng thuốc tây tại địa chỉ B N, Phường G, quận G và có giao dịch chuyển tiền với Nguyễn Xuân C để mua dầu gió nóng Thái Lan. Sau khi có dịch Covid, N6 bắt đầu đặt mua dầu xanh, dầu gió nóng Thái Lan của Nguyễn Xuân C với số lượng lớn, cụ thể, số lượng từng lần N6 không nhớ. Sau khi mua hàng, N6 đã bán 01 phần hàng dầu gió nêu trên cho khách hàng trên mạng (không rõ thông tin), hình thức giao hàng và thanh toán do N6 thuê xe tải thời vụ (N6 không còn thông tin thuê xe) và nhận tiền hàng bằng tiền mặt. Ngoài ra, một phần hàng dầu gió nêu trên Ngân tặng cho các bệnh viện dã chiến tại huyện H (N không cung cấp được thông tin người liên hệ). Từ ngày 11/6/2021 đến ngày 08/02/2022, N6 đã chuyển khoản 28 lần vào tài khoản số 0511000421431, đứng tên Nguyễn Xuân C, mở tại Ngân hàng V2 với tổng số tiền 573.350.000 đồng. Tuy nhiên, N6 không thừa nhận có việc mua bán thuốc giả với Nguyễn Xuân C.

- Lê Hoàng S khai: tháng 11/2022, S tham gia vào các hội nhóm sỉ dược để kinh doanh thuốc tân dược bằng tài khoản Zalo tên “Hoàng sự” và có quen biết với Nguyễn Xuân C, tên tài khoản Z là “Đổi số tài khoản”. Ngày 21/11/2022, S giao dịch mua hàng của Nguyễn Xuân C 01 lần với số tiền là 12.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng S8, đứng

tên Nguyễn Huỳnh T7, mở tại Ngân hàng V3, nhưng S không nhớ đã mua sản phẩm gì và số lượng, giá trị từng loại như thế nào. C sử dụng chành xe để gửi hàng cho S. Tuy nhiên, do không bán được nên S đã gửi trả hàng lại và không còn giao dịch gì khác với C. S khai khi liên hệ mua hàng, C thông báo làm tại Công ty H9 nên S không biết nguồn gốc các sản phẩm mua của C là giả. Đối với tin nhắn hỏi mua thuốc Terpin Codein, A1, S chỉ hỏi C chứ không mua.

- Huỳnh Hữu T10 khai: T10 quen biết với Nguyễn Xuân C vào năm 2022, C chào bán các loại thuốc khác nhau trong đó có nhãn hiệu Asmacort. T10 mua thuốc hiệu Asmacort của Thái 02 lần nhưng không nhớ rõ số lượng, giá tiền. C giao hàng đến Chợ T14 Quận A cho T10 và T10 thanh toán bằng tiền mặt cho người giao hàng. Sau khi mua hàng, T10 bán lại cho khách vắng lai (không rõ lai lịch). T10 không biết thuốc mua từ Nguyễn Xuân C là thuốc giả.

- Xác minh tại Công ty cổ phần H9 và Công ty TNHH H9 được biết năm 2021 các Công ty trên có ký hợp đồng bán cho Công ty TNHH H9 sản phẩm thành phẩm viên nén Bacino.

- Xác minh tại Chành xe Thiên Phúc: Công ty TNHH D3, địa chỉ tại 4 N, Phường A, Quận A, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/11/2021, do Phạm Văn K2 đứng tên người đại diện pháp luật, Công ty gồm các thành viên góp vốn là Phạm Văn K2, Nguyễn Trung K3, Đặng Văn H6. Đối với dịch vụ vận chuyển hàng hóa, nhân viên công ty L8 phiếu biên nhận ghi thông tin tên người gửi hàng và số điện thoại, khi khách đến nhận hàng chỉ cần đọc thông tin người gửi hàng và người nhận hàng thì sẽ được nhận hàng. Hiện các phiếu biên nhận Công ty chỉ lưu trữ khoảng 01 tuần sau đó sẽ hủy, không lưu trữ. Công ty có thực hiện việc nhận hàng của Đặng Văn H6 gửi từ thành phố B, tỉnh Đồng Nai đến TP . nhưng không biết hàng gì và người nhận.

4. Kết quả xác minh, trưng cầu giám định:

- Ngày 04/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra có Quyết định trưng cầu giám định số 40-04 và Quyết định trưng cầu giám định số 40-04B, ngày 04/5/2023 gửi Phân viện khoa học hình sự Bộ C7, đề nghị giám định bao bì sản phẩm và thành phần hóa học các loại thuốc tân dược là tang vật thu giữ tại các điểm khám xét của Nguyễn Xuân C, Ao Vạn H5, Phạm Quốc Q2, Đặng Văn H6, Huỳnh Nhật K1 so với mẫu so sánh do các hãng dược cung cấp.

Kết luận giám định số 3139, ngày 20/7/2023, của Phân viện khoa học hình sự Bộ C7, kết luận: *Mẫu nhãn hiệu thuốc Terpin Codein loại viên nang và viên nén, thuốc Amascort, thuốc Decotyl thu giữ tại nhà Nguyễn Xuân C so với số thuốc thu giữ tại nhà Huỳnh Nhật K1 là đồng nhất; Mẫu nhãn hiệu thuốc Glotal 500 thu giữ tại nhà Nguyễn Xuân C là không đồng nhất với mẫu so sánh do đại diện hãng cung cấp; Mẫu nhãn hiệu thuốc Metronidazol thu giữ tại nhà Phạm Quốc Q2 là không đồng nhất với mẫu so sánh do đại diện hãng cung cấp.*

- Ngày 19/01/2024, Cơ quan điều tra trung cầu giám định hàm lượng hóa học đối với số lượng thuốc tây thu giữ tại nhà của Nguyễn Xuân C, Huỳnh Nhật K1, Phạm Quốc Q2 và Đặng Văn H6. Ngày 16/4/2024, Viện kiểm nghiệm thuốc tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết quả giám định đối với 14 danh mục thuốc tân được thu giữ trên gồm (1) Viên nang Terpin-codein; (2) Viên nén Terpin-codein; (3) Viên nén Decotyl Fort; (4) Viên nén Asmacort; (5) Viên nén bao phim Glotal 500; (6) Viên nén Ciproxacin 500; (7) Viên nang cứng M2; (8) Viên nén Gold 500; (9) Viên nang Cefixim 200mg; (10) Viên nang cứng Celecod 200; (11) Viên nang cứng Cephalexin 500; (12) Viên nang cứng Cepha Pharmacy 500; (13) Viên nang Amoxicilin 500mg; (14) Viên nang Cefadroxil 500mg: tất cả các sản phẩm thuốc nêu trên không có thành phần hoạt chất ghi trên bao bì sản phẩm.

- Kết quả xác minh các nhãn hiệu thuốc thu giữ của các bị can Nguyễn Xuân C, Huỳnh Nhật K1, Phạm Quốc Q2, Đặng Văn H6, như sau:

+ Công ty Cổ phần H9 xác nhận Thuốc Cephalexin 500 không phải do Công ty sản xuất, do đó không có mẫu và tài liệu để cung cấp.

+ Công ty cổ phần H9 xác nhận thuốc Decotyl Fort, thuốc Celecod 200mg và thuốc Cefixim 200mg không phải do Công ty sản xuất, do đó không có mẫu và tài liệu để cung cấp. Công ty không ủy quyền sản xuất hoặc mua bán thuốc Decotyl Fort với nhóm đối tượng Nguyễn Xuân C, Phạm Quốc Q2.

+ Công ty Cổ phần H9 xác nhận Thuốc Gold 500 mg và thuốc Cepha Pharmacy 500 không phải do công ty sản xuất, do đó không có mẫu và tài liệu để cung cấp.

+ Công ty cổ phần H9 xác nhận Thuốc Amoxicilin 500 và thuốc Cefadroxyl 500 mg không phải do công ty sản xuất, do đó không có mẫu và tài liệu để cung cấp.

+ Công ty Cổ phần H9, Công ty TNHH A7; Công ty cổ phần H9 sản xuất; Công ty cổ phần H9 (trước đây tên là Công ty TNHH H9); Công ty cổ phần H9.PHARM xác định các nhãn hiệu Thuốc Terpin - Codein viên nang, T3 - Codein viên nén, A, Glotal 500 đã ngưng sản xuất, hiện không còn lưu hành trên thị trường. Do đó, các sản phẩm thuốc thu giữ các nhãn hiệu Thuốc Terpin-Codein viên nang, T11 viên nén, A, Glotal 500 là giả.

+ Công ty cổ phần H9 được Cục Q4 - Bộ Y cấp phép đăng ký lưu hành và sản xuất sản phẩm thuốc Metronidazol. Công ty không sản xuất và bán sản phẩm thuốc Metronidazol với thông tin sản phẩm là 250521, ngày 200521, SĐK: VD-22409-15. Do đó xác định số thuốc tân được nhãn hiệu Metronidazol thu giữ là thuốc giả.

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra cùng với đại diện Công ty Cổ phần H9, tiến hành kiểm tra sơ bộ số hàng hóa thu giữ của Đặng Văn H6, kết quả như sau: qua kiểm tra nhận thấy hàng hóa thu giữ là thuốc Augbactam 312,5 có màu vỏ hộp

đậm hơn hàng của công ty sản xuất, ngoài thùng dán nhãn không có tên người đóng gói theo quy định, nghi vấn là hàng giả. Đồng thời, nhận thấy có một số nhãn thuốc Meko-Allergy F do Công ty M4 sản xuất. Đối với loại thuốc này không phải thuốc kháng sinh, không có hoạt chất C5 cũng như chất kháng sinh nào khác.

- Xác minh tại Sở Y tế, kết quả xác định như sau: qua đối chiếu thông tin trên nhãn, sản phẩm Ciproxacin 500 là thuốc chữa bệnh (Essencial Drug P7: Chương trình thuốc thiết yếu của tổ chức WHO). Thuốc Ciproxacin 500 không được Cục Q4 cấp số lưu hành tại Việt Nam và không đáp ứng các điều kiện lưu hành thuốc theo quy định của Luật dược.

5. Kết quả yêu cầu định giá:

Ngày 04/5/2023, Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá đối với số tang vật thu giữ tại nhà của Nguyễn Xuân C, Phạm Quốc Q2, Đặng Văn H6, Huỳnh Nhật K1 liên quan đến hành vi mua bán giữa những người trên với nhau. Tại các Kết luận định giá số 3788, 3812/KL-HĐĐTGS ngày 13/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố - Ủy ban nhân dân Thành phố H đối với danh mục thuốc tân dược giả các nhãn hiệu, thu giữ tại các địa điểm liên quan việc mua bán, sản xuất thuốc tân dược giả như sau:

- Thuốc giả nhãn hiệu các loại (5 nhãn hiệu gồm: Terpin Codein viên nang, Terpin Codein viên nén, Decotyl F, A, Glotal 500mg Mephenesin) thu giữ của Nguyễn Xuân C tại bãi xe không số đối diện số E, Đường H C, Phường D, Quận H, có tổng giá trị (đã bao gồm VAT) là **432.723.000 đồng**.

- Thuốc giả nhãn hiệu các loại thu giữ của Phạm Quốc Q2 tại nhà số B T, Phường A, Quận A có tổng trị giá (đã bao gồm VAT) là 41.425.000 đồng, gồm: Thuốc kháng sinh Ciproxacin 500, mua của Đặng Văn H6 sản xuất, có giá trị (đã bao gồm VAT) là 8.460.000 đồng; Thuốc Metronidazol 500, mua của Nguyễn Xuân C sản xuất, có giá trị (đã bao gồm VAT) là 32.965.000 đồng.

- Thuốc giả nhãn hiệu các loại (12 nhãn hiệu, gồm: Gold 500, C, D, A, T3 - Codein viên nang, T3 - Codein viên nén, Cefixim 200mg, Celecod 200, Cephalixin 500, Cepha P, A, C) thu giữ của Huỳnh Nhật K1 (mua của Nguyễn Xuân C sản xuất) tại nhà số B T, Phường A, Quận A, có tổng giá trị (đã bao gồm VAT) là 556.042.000 đồng.

- Thuốc giả nhãn hiệu Ciproxacin 500 thu giữ của Đặng Văn H6 tại nhà số C tổ B, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, do Đặng Văn H6 sản xuất, có giá trị tổng cộng (đã bao gồm VAT) là 173.806.000 đồng.

6. Vật chứng của vụ án:

-T12 tại Phường D, Quận H, do Ao Vạn H5 quản lý, gồm:

+2120 lọ thuốc nhãn hiệu Terpin – Codein, do Công ty CP H9 sản xuất;
1612 lọ thuốc nhãn hiệu Decotyl, do Công ty CP H9 sản xuất; 1000 lọ thuốc

nhãn hiệu Asmacort, do Công ty CP H9 sản xuất; 4370 lọ thuốc nhãn hiệu Terpin – Codein, dạng viên nang, 1 lọ thuốc chứa 100 viên, do Công ty cổ phần H9. Pharm sản xuất; 50 lọ thuốc nhãn hiệu Glotal, dạng viên nén, 1 lọ chứa 100 viên, do Công ty TNHH H9 sản xuất (Công ty TNHH A8). Tất cả tang vật chứa trong 36 thùng carton được niêm phong có chữ ký của bị can Ao Vạn H5 và Nguyễn Xuân C và Điều tra viên, đề ngày 14/02/2023.

+ Một số lượng lớn chai nhựa trắng, chai nhựa đen, nắp trắng, vỏ viên nang màu xanh, vỏ viên nang màu trắng, thuốc nguyên liệu màu cam, giấy hướng dẫn sử dụng, tem nhãn hiệu Glotal, tem nhãn hiệu Terpin – C, bột năng Tùng T13, chai nhựa có dán nhãn hiệu Terpin – Codein, miếng dán nắp, máy ép nắp lọ thuốc, cân, thau nhựa, rổ, bộ khuôn đúc thủ công bằng nhựa.

- Thu tại nhà Huỳnh Nhật K1, địa chỉ: 2 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: 1461 chai thuốc nhãn hiệu Gold 500, 1 lọ chứa 200 viên nén, do Công ty cổ phần H9 sản xuất; 1408 chai thuốc nhãn hiệu Ciproxacin 500; 1305 chai thuốc nhãn hiệu Terpin Codein, 1 lọ chứa 100 viên nang, do Công ty cổ phần H9. Pharm sản xuất; 900 chai thuốc nhãn hiệu Decotyl, 1 lọ chứa 200 viên, do Công ty cổ phần H9 sản xuất; 640 chai thuốc nhãn hiệu ASMACORT, 1 lọ chứa 100 viên nén, do Công ty Cổ phần H9 sản xuất; 1920 chai thuốc nhãn hiệu Terpin-Codein, 1 lọ chứa 100 viên nén của Công ty cổ phần H9 sản xuất; 200 chai thuốc nhãn hiệu Cefixim 200mg, do Công ty cổ phần H9 sản xuất; 160 chai thuốc nhãn hiệu Celecod 200, do Công ty Cổ phần H9 sản xuất; 690 chai thuốc nhãn hiệu Cephalixin 500, do Công ty Cổ phần H9 sản xuất; 70 chai thuốc nhãn hiệu Cepha Pharmacy 500, Công ty Cổ phần H9 sản xuất; 70 chai thuốc nhãn hiệu Cefadroxil 500, do Công ty Cổ phần H9 sản xuất; 36 chai thuốc nhãn hiệu Amoxicilin 500, do Công ty Cổ phần H9 sản xuất. Tất cả tang vật chứa trong 54 thùng carton được niêm phong có chữ ký Huỳnh Nhật K1 và Điều tra viên, ngày 14/02/2023.

- Thu tại nhà ở Đ, địa chỉ 33 tổ B KP M, phường P, thành phố B, Đồng Nai, gồm: 1858 lọ thuốc Ciproxacin 500; + 464 lọ thuốc thành phẩm không nhãn màu trắng, tem nhãn hiệu Ciproxacin 500, tem dán nhãn hiệu Meko-Alleary f là nguyên liệu để sản xuất thuốc giả Ciproxacin 500, băng keo. Tất cả tang vật được chứa trong 23 thùng carton và 04 bao nilon được niêm phong có chữ ký của bị can Đặng Văn H6 và Điều tra viên, đề ngày 12/01/2023.

- T12 tại nhà ở P tại địa chỉ: 2 T, Phường A, Quận A, gồm: 1.683 lọ thuốc METRONIDAZOL, của Công ty CP H9; 90 lọ Ciproxacin 500; Tất cả tang vật được chứa trong 10 thùng carton, được niêm phong có chữ ký của bị can Phạm Quốc Q2 và Điều tra viên, đề ngày 14/02/2023

- 01 (một) CPU máy tính, màu đen, không nhãn hiệu; 01 (một) màn hình máy vi tính nhãn hiệu Samsung; 01 (một) máy in nhãn hiệu HP, tất cả đã qua sử dụng, được niêm phong, có chữ ký niêm phong Nguyễn Xuân C;

7.Về thu lợi bất chính: Các bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 323.190.000 đồng, cụ thể: Ao Vạn H5 nộp 23.000.000 đồng, Trương Thùy T1 nộp 2.000.000 đồng, Huỳnh Nhật K1 nộp 150.000.000 đồng, Bùi Đắc K nộp

10.150.000 đồng, Hoàng Thị H1 nộp 38.040.000 đồng, Đặng Văn H6 nộp 20.000.000 đồng, Lý Thị Diễm P1 nộp 70.000.000 đồng, Đào Tấn P4 nộp 10.000.000 đồng.

***Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-P3 ngày 30/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo như sau:**

-Truy tố bị cáo Nguyễn Xuân C về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo điểm a khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

-Truy tố bị cáo Ao Vạn H5, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo điểm a khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

-Truy tố bị cáo Đặng Văn H6, về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo điểm g khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

-Truy tố các bị cáo Phạm Quốc Q2, Huỳnh Nhật K1, Lý Thị Diễm P1 về tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo a khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

-Truy tố các bị cáo Trương Phong H3, Trương Thùy T1, Hoàng Thị H1, Bùi Đắc K, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo điểm a khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

-Truy tố bị cáo Đào Tấn P4, về tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo điểm g khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

[1] Về hình phạt:

* Căn cứ các điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 194; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân C** 19 (mười chín) năm tù, về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/12/2022.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân C phải nộp phạt bổ sung số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, để sung công quỹ Nhà nước.

* Căn cứ các điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc Q2** 14 (mười bốn) năm tù, về tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/12/2022.

Buộc bị cáo Phạm Quốc Q2 phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, để sung công quỹ Nhà nước;

* Căn cứ các điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lý Thị Diễm P1** 13 (mười ba) năm tù, về tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Buộc bị cáo Lý Thị Diễm P1 phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, để sung công quỹ Nhà nước.

* Căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 194; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trương Phong H3** 04 (bốn) năm tù, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/12/2022.

* Căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 194; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trương Thùy T1** 04 (bốn) năm tù, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/12/2022.

* Căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 194; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị H1** 03 (ba) năm tù, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

* Căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 194; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Bùi Đắc K** 03 (ba) năm tù, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Ngoài ra trong phần hình phạt bản án còn tuyên hình phạt đối với các bị cáo.. trong vụ án, nhưng các bị cáo này không kháng cáo và nội dung kháng cáo của các bị cáo có kháng cáo không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của các bị cáo nên cấp phúc thẩm không nêu trong bản án phúc thẩm

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Trong các ngày từ 17/3 cho đến 26/3 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh nhận được đơn đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân C, Phạm Quốc Q2, Bùi Khắc K4, Trương Thùy T1, Lý Thị Diễm P1, Hoàng Thị H1 đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và có một số bị cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có mặt tại phiên tòa. Ngoài ra thì bị cáo C trình bày nội dung xin rút lại yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bên cạnh đó, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tại cấp phúc thẩm xét xử yêu cầu kháng cáo bổ sung (tại đơn đề ngày 16/6/2025). Nội dung xem xét lại việc Tòa tuyên thu khoản tiền thu lợi bất chính chưa đúng vì bị cáo chỉ buôn bán thuốc giả qua tài khoản chỉ khoảng 2,1 tỷ chứ không phải là trên 7 tỷ như án sơ thẩm quy kết từ đó giảm tiền thu lợi bất chính cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo C cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo có kháng cáo vì giữa bị cáo và các bị cáo không hề quen nhau trước khi bị bắt, việc sai trái của bị cáo làm liên lụy các bị cáo này. Riêng đối với bị cáo P1 là người đã mua bán với bị cáo qua mạng chứ không giao dịch trực tiếp tổng số tiền mua bán cơ quan điều tra thu thập phần lớn là tiền bị cáo mua dầu gió trong mùa dịch của bị cáo, hàng dầu gió bị cáo bán cho P1 là hàng thật có chứng từ hóa đơn nhưng cơ quan điều tra bỏ qua lời khai của bị cáo và mức hình phạt 13 năm tù là quá nặng cho bị cáo P1.

Các bị cáo khác có mặt tại phiên tòa thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án mà Bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo và trình bày các tình tiết giảm nhẹ gồm: Quá trình tố tụng thành khẩn khai báo và rất ăn năn hối cải về hành vi đã làm; Hầu hết các bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; Trừ bị cáo đầu vụ thì tất cả các bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức và một số bị cáo thực hiện hành vi sau một thời gian thì với nhận thức được việc làm của mình là sai; Tất cả các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình và gia đình lâm vào khó khăn từ khi bị khởi tố đến nay.

Riêng bị cáo Lý Thị Diễm P1 khi xét xử sơ thẩm và hiện tại đang mang thai. Tại cấp phúc thẩm bị cáo P1 thay đổi nội dung kháng cáo sang xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng: bản thân không nhận thức được việc mua thuốc qua mạng để bán lại là giúp sức cho việc sản xuất mua bán thuốc giả của các bị cáo đầu vụ. Nay bị cáo P1 đã nhận ra hành vi của mình là sai nên xác định án sơ thẩm kết tội không oan. Nhưng bị cáo chỉ chuyển khoản mua bán với bị cáo C

khoảng 800 triệu đồng (trong đó có cả tiền mua dầu gió để bán lại) nên số tiền mua bán thuốc giả chưa đến 500 triệu đồng, kết hợp với các tình tiết giảm nhẹ được bản án sơ thẩm ghi nhận thì Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức án 13 năm tù là quá nặng và có phần chưa đúng với qui định của pháp luật khi lượng hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ mua bán tới 6 tỷ đến 7 tỷ đồng nhưng mức án chỉ 14 năm. Ngoài ra tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình chứng cứ bản thân mới 26 tuổi có sức khỏe không tốt và đang mang thai sắp sinh con, gia đình có mẹ bị cáo bị bệnh suy thận giai đoạn cuối, cha bị bệnh suy gan, tai biến. Bị cáo rất hoang mang trước hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và bản thân phải đối diện với mức án ngoài sự nghĩ tới của bị cáo. Bị cáo rất mong được sự chiếu cố và khoan hồng của pháp luật để bị cáo được có cơ hội chăm sóc con và bố mẹ. Trong thời gian xét xử phúc thẩm bị cáo đã nhờ người thân nộp khoảng tiền hình phạt bổ sung 20 triệu mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Phản tranh luận:

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo một lần nữa thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và các chứng cứ thu thập trong quá trình tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Xuân C và các đồng phạm về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” là có căn cứ pháp luật, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Tuy vậy việc xác định bị cáo Trương Phong H3, Trương Thùy T1, Hoàng Thị H1 và Bùi Khắc K4 phạm tội thuộc tình tiết định khung hình phạt có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 194 BLHS là chưa đúng vì: Bản thân các bị cáo H1 và K4 này không giao dịch trực tiếp với nhau, không quen biết nhau và không có sự bàn bạc phân công phân nhiệm vai trò khi thực hiện hành vi phạm tội; còn bị cáo T1 và K4 chỉ là người được C thuê làm theo ngày ngồi dán nhãn được 10 ngày; bản thân bị cáo H3 chỉ là người làm nuôi ăn ở trong nhà bị cáo C không được trả lương. Hơn nữa các bị cáo không có sự hùn hợp làm ăn và chia lợi nhuận. Do đó các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn chứ không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức như bản án sơ thẩm đã quy kết.

+ Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân C, Phạm Quốc Q2: đại diện Viện kiểm sát nhận định nội dung nhận định và phán xử tại bản án sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật. Nay các bị cáo kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm nhưng không xuất trình chứng cứ nào mới chứng minh để làm khác đi bản chất sự việc đã thu thập trong quá trình điều tra nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q2 và bị cáo C.

+ Xét kháng cáo của các bị cáo Trương Thùy T1, Bùi Khắc K4, bị cáo Hoàng Thị H1 và xét việc áp dụng pháp luật chưa đúng của Tòa sơ thẩm đối với bị cáo Trương Phong H3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa nêu như đã nhận định nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố các bị cáo Trương Thùy T1, Bùi Khắc K4, Hoàng Thị H1 và

Trương Phong H3 phạm tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt và xác định các bị cáo phạm tội vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu để sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giảm hình phạt cho bị cáo T1 và bị cáo H3 từ 6 tháng đến 1 năm tù; Tuyên phạt các bị cáo H1 và K4 mỗi bị cáo 3 năm tù nhưng chấp nhận yêu cầu xin được hưởng án treo của các bị cáo K4 và bị cáo H1.

+ Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Lý Thị Diễm P1, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên Tòa nêu: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo và nhận ra tội lỗi và xin được Hội đồng xét xử giảm án. Ngoài ra, bị cáo xuất trình một số chứng cứ mới để chứng minh là tình tiết giảm nhẹ mới như thi hành khoản tiền phạt bổ sung của bản án sơ thẩm, các tình tiết mới chứng minh bản thân các bị cáo là lao động chính và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo chấp hành tốt pháp luật tại nơi cư trú. Do vậy, căn cứ các tình tiết mới tại cấp phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm án của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo tranh luận:

Các vị luật sư đồng ý với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các nội dung đã đề nghị như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần đề nghị. Tuy vậy, các luật sư cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ các nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị cáo có kháng cáo xin được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bởi các lý do sau:

- Các bị cáo có kháng cáo xin được hưởng án treo đều đủ điều kiện để được áp dụng theo quy định của pháp luật vì các bị cáo này đều bị xử hình phạt dưới 3 năm tù; phạm tội lần đầu có nhiều tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng hình phạt; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; các bị cáo đã nộp lại tất cả các khoản tiền thu lợi bất chính; các bị cáo đều có nhân thân tốt và hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo Hoàng Thị H1 còn có tình tiết gia đình có công với cách mạng là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm.

- Đối với các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt các Luật sư nêu quan điểm bào chữa: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo P1 đã nộp khoản tiền các bị cáo bị Tòa sơ thẩm tuyên phạt bổ sung, bị cáo Q2 tiền thu lợi bất chính các bị cáo còn xuất trình các tình tiết mới khác như các bị cáo là lao động chính. Dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng các bị cáo đã cùng với gia đình vay mượn hoặc huy động tất cả các nguồn tiền dự trữ để nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Các bị cáo mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo để giảm án cho các bị cáo.

Phần tranh luận đối đáp: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết mới mà các bị cáo đã xuất trình tại cấp phúc thẩm để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ

vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các luật sư bào chữa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

*Xét tính hợp lệ của các yêu cầu kháng cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo công tác tạm giam đúng pháp luật đối với các bị cáo đang bị tạm giam khi Tòa án tuyên án sơ thẩm thì, đơn kháng cáo (của các bị cáo đang bị tạm giam) phải có xác nhận của Giám thị trại giam nơi các bị cáo bị tạm giam vào thời gian các bị cáo làm đơn kháng cáo; Các đơn kháng cáo của các bị cáo sẽ được cơ quan giam giữ gửi tới Tòa án sơ thẩm. Tuy vậy, trong hồ sơ vụ án có đơn kháng cáo của bị cáo Trương Thùy T1 là bị cáo đang bị tạm giam khi Tòa án tuyên án sơ thẩm nhưng, không có phần xác nhận của Giám thị trại giam nơi bị cáo bị tạm giam và đơn không được gửi từ Trại giam đến Tòa án. Khi nhận được đơn kháng cáo của bị cáo T1 trong trường hợp trên thì chưa đủ căn cứ xác định đơn có phải do bị cáo ký hay không. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý không kiểm tra lại sự việc vì sao không có xác nhận của Giám thị trại giam nơi các bị cáo bị tạm giam mà lại chấp nhận đơn và ban hành thông báo bị cáo T1 kháng cáo bản án sơ thẩm là chưa đúng. Hậu quả, khi Tòa phúc thẩm triệu tập và trích xuất bị cáo T1 để xét xử phúc thẩm không được bởi, cơ quan tạm giam bị cáo xác định bị cáo *không kháng cáo* và đã đi chấp hành bản án. Đây là sai sót của Tòa sơ thẩm trong việc thụ lý đơn kháng cáo của các bị cáo đang bị tạm giam làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết phúc thẩm của cả vụ án. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần được rút kinh nghiệm. Để khắc phục những nội dung trên, Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận được Đơn trình bày của bị cáo T1 đề ngày 19/6/2025 (có xác nhận của trại giam B3 là nơi bị cáo đang chấp hành án) có nội dung nêu: Do không hiểu biết nên sau khi xét xử sơ thẩm thì luật sư của bị cáo T1 đã soạn đơn kháng cáo đưa vào trại giam cho bị cáo ký, sau đó luật sư đưa nộp Tòa án mà không có xác nhận của trại giam và bị cáo cũng không báo cho giám thị trại giam biết. Bị cáo T1 xác định đã ký đơn kháng cáo xin giảm hình phạt vào ngày 21/3/2025 và giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo. Mặt khác, nội dung đơn bị cáo T1 xin tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

Xét thấy, mặc dù quy trình tiếp nhận đơn kháng cáo của bị cáo đang bị tạm giam tại của Tòa sơ thẩm chưa đúng gây hậu quả làm khó khăn cho công tác xét xử phúc thẩm nhưng đã được khắc phục thông qua việc thu thập chứng cứ là Đơn trình bày của bị cáo T1. Từ nội dung đơn trình bày nêu trên, Hội đồng xét xử tại cấp phúc thẩm xác định đơn kháng cáo của bị cáo T1 ký gửi Tòa án cấp sơ thẩm đề ngày 21/3/2025 là hợp lệ. Chấp nhận việc xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo T1 theo nội dung đã yêu cầu tại đơn kháng cáo ngày 21/3/2025.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa hai cấp thể hiện nội dung vụ án như sau:

Vì mục đích vụ lợi, bị cáo Nguyễn Xuân C đã trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức sản xuất hàng giả là thuốc tân dược các loại, trực tiếp đặt mua nguyên liệu, đặt in nhãn hiệu của Bùi Đắc K, Hoàng Thị H1 và một số cá nhân khác, thuê nhân viên, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho Ao Vạn H5, Trương Phong H3, Trương Thùy T1 và các nhân viên khác sản xuất thuốc giả các nhãn hiệu, nhằm mục đích thu lợi bất chính. Cụ thể, C trả lương cho Ao Vạn H5 7.000.000 đồng/tháng; T, N4, T1 trả lương 200.000 đồng/ngày, còn H3 thỉnh thoảng mới phụ C đi giao thuốc cho khách nên không trả lương mà chỉ lo ăn ở và chi phí sinh hoạt. Ngoài số thuốc C đã bán thì số thuốc giả do C sản xuất được thu giữ tại nhà của Phạm Quốc Q2, Huỳnh Nhật K1, theo kết quả định giá thuốc giả có tổng trị giá tương đương hàng thật là 1.021.730.000 đồng. Ngoài ra, kết quả sao kê tài khoản tại Ngân hàng xác định tính đến ngày bị phát hiện, C đã bán thuốc giả do mình tự sản xuất cho Phạm Quốc Q2, Huỳnh Nhật K1, Lý Thị Diễm P1, Đào Tấn P4 với tổng số tiền là 7.756.500.000 đồng, C thu lợi bất chính 05% trên tổng số tiền bán thuốc giả cho khách được tính là 387.825.000 đồng.

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Xuân C, Đặng Văn H6 (đối với hai hành vi) về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”; các bị cáo Phạm Quốc Q2, Huỳnh Nhật K1 và Lý Thị Diễm P1 và Đào Tấn P4 (đối với một hành vi đồng phạm với bị cáo C) về tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”; các bị cáo Ao Vạn H5, Trương Văn H8, Trương Thùy T1, Hoàng Thị H1, Bùi Khắc K4 (đối với một hành vi đồng phạm với bị cáo C) về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị cáo có kháng cáo:

[3.1] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân C

Căn cứ kết quả điều tra và lời khai nhận của bị cáo C đã đủ cơ sở xác định: Hai hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân C đã đủ yếu tố cấu thành “*Tội sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh*”, đồng thời bị cáo đã đưa thuốc giả do bị cáo sản xuất lưu thông vào thị trường, nên không xử tách thành hai tội mà xử hành vi kép *buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh*, trong một điều luật thuộc trường hợp “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên” và tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân C được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt: Khi lượng hình phạt đối với bị cáo C, Tòa sơ thẩm xác định: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là

các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng bị cáo chủ mưu cầm đầu sản xuất buôn bán thuốc trong khoản thời gian dài nên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Có tổ chức” và phạm tội “hai lần trở lên”. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 194; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C 19 (mười chín) năm tù về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” là phù hợp. Tại Tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm hình phạt sang kháng cáo về xem xét lại khoản tiền thu lợi bất chính nhưng không xuất trình chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Quốc Q2

Căn cứ kết quả điều tra và lời khai nhận của bị cáo Q2 đã đủ cơ sở xác định: Bị cáo Phạm Quốc Q2 vào tháng 12/2020, Quyền sử dụng số điện thoại 0903638364 để lập tài khoản Zalo tên “Phạm Quốc Q2”, để đăng thông tin bán thuốc tân dược và có mua bán các loại thuốc với Nguyễn Xuân C, mặc dù biết thuốc do Nguyễn Xuân C và Đặng Văn H6 sản xuất là thuốc giả nhưng vẫn mua lại bán cho người khác nhằm mục đích kiếm lời. Đầu năm 2021, Q2 mua các loại thuốc giả nhãn hiệu Metronidazol, A, A3, C2, Cefalexin của C; thuốc kháng sinh Ciproxacin 500 giả của H6 để bán kiếm lời. Theo kết quả định giá thì thuốc giả có giá trị tương đương hàng thật theo kết quả định giá là 41.425.000 đồng, Quyền buôn bán thuốc đến thời điểm bị phát hiện, thì Q2 đã mua thuốc của C và chuyển khoản thanh toán tiền mua thuốc giả cho C là 2.191.688.000 đồng; Mua thuốc giả của H6 và chuyển khoản cho H6 với tổng số tiền là 178.920.000 đồng. Tổng cộng số tiền Q2 mua thuốc giả của C và của H6 là 2.370.608.000 đồng, Q2 thu lợi bất chính được số tiền khoảng 85.000.000 đồng. Với những hành vi nêu trên của bị cáo Q2, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo tình tiết “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên”; Tình tiết tăng nặng hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phạm tội nhiều lần; Tình tiết giảm nhẹ hình phạt là bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ. Từ đó, Tòa sơ thẩm áp dụng các điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Quốc Q2 14 (mười bốn) năm tù, về tội “*Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh*”. Là có căn cứ đúng pháp luật.

Bị cáo Q2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã động viên gia đình bị cáo đã nộp khoản tiền thu lợi bất chính là tình tiết mới so với cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, so hành vi phạm tội của bị cáo với bị cáo P1 thì mức án của bị cáo là đã có phần khoan hồng. Do vậy, Hội

đồng xét xử không chấp nhận phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc không kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

[3.3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lý Thị Diễm P1 Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Căn cứ kết quả điều tra và lời khai nhận của bị cáo P1 tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm đã đủ cơ sở xác định: Lý Thị Diễm P1 khi đặt mua thuốc không nhận thức được các loại thuốc nhãn hiệu Asmacort; Gold 500; Amoxicilin mua từ Nguyễn Xuân C bán là thuốc giả. Tuy vậy, bản thân bị cáo không có giấy phép kinh doanh mặt hàng thuốc chữa bệnh nhưng bị cáo mua thuốc chữa bệnh để bán lại cho người tiêu dùng từ bị cáo C mà không có sự kiểm chứng để xác định thuốc Cường bán có phải do Công ty chính hãng sản xuất hay không đã là hành vi sai trái. Hơn nữa, cũng chính sự sai trái về việc không được phép mua bán hàng hóa trôi nổi không rõ nguồn gốc của bị cáo P1 đã giúp sức cho bị cáo C tiêu thụ hàng giả. Mặt khác, trên thực tế thuốc C bán cho bị cáo P1 là thuốc giả, không được đóng gói, dán tem đúng quy cách và giá rẻ hơn nhiều so với giá thị trường nhưng vì mục đích vụ lợi P1 vẫn mua để bán lại kiếm lời. Do vậy cơ quan Tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo P1 về tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo C là có căn cứ đúng pháp luật, không oan.

- Xét việc áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự để lượng hình phạt:

Khi đã sử dụng tình tiết phạm tội nhiều lần của bị cáo để làm tình tiết định khung hình phạt (ví dụ cộng số tiền của tất cả các lần phạm tội để lấy tổng số tiền này làm tình tiết định khung hình phạt cao hơn khung cơ bản) thì việc tiếp tục áp dụng tình tiết phạm tội hai lần trở lên làm tình tiết tăng nặng thì chỉ áp dụng trong trường hợp: Tổng số tiền phạm tội của các lần cộng lại lớn hơn hai lần số tiền được tính làm tình tiết định khung hình phạt mà bị cáo đã bị. Chỉ có như vậy mới đảm bảo nguyên tắc một tình tiết phạm tội không bị áp dụng hai lần để xét xử bất lợi cho bị cáo. Đối chiếu với việc áp dụng điểm g khoản 2 Điều 52 của Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử các bị cáo (C, Vạn H5, H6, Q2, K4, P4) là không sai bởi, các bị cáo phạm tội với tổng số tiền phạm tội của các lần cộng lại lớn hơn hai lần số tiền quy định tại khung hình phạt bị truy tố. Riêng việc tiếp tục áp dụng điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự làm tình tiết tăng nặng hình phạt đối với bị cáo P1 là chưa đúng bởi: Tuy là không có cơ sở xác định Lý Thị Diễm P1 đã mua thuốc giả của Nguyễn Xuân C trong tổng số tiền là 867.174.000 đồng có một phần là mua dầu gió xanh như bị cáo đã trình bày. Nhưng, số tiền bị cáo giao dịch mua bán với bị cáo C của mỗi lần đều nhỏ hơn 500 triệu đồng và tổng số tiền trong tất cả các lần mua bán thuốc giả giữa bị cáo P1 và bị cáo C, đã được chứng minh trong quá trình điều tra là 867.174.000 đồng, số tiền này thể hiện lớn hơn một lần của 500 triệu và nhỏ hơn (1 tỷ) hai lần của 500 triệu là định lượng truy tố theo khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử tại cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng hình phạt là bị cáo phạm tội 2 lần trở lên khi xử bị cáo tại khung hình phạt thuộc khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự.

- Xét nội dung trình bày yêu cầu kháng cáo bị cáo nêu: Do là tại Tòa sơ thẩm bị cáo chưa nhận thức được tính nguy hiểm do hành vi của bị cáo đã làm nên, cho rằng bị cáo C bán hàng cho bị cáo không nói là hàng giả nên bị cáo không có tội là chưa đúng. Nay bị cáo nhận ra việc làm của mình là sai và bị Tòa sơ thẩm xử là không oan. Nhưng mức án Tòa sơ thẩm tuyên là quá nặng, bị cáo cố ý mua bán thuốc trái phép nhưng vô ý với hậu quả thuốc giả xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để giảm án cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, với nội dung trình bày của bị cáo tại cấp phúc thẩm thì bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra tại cấp phúc thẩm, bị cáo nộp thêm chứng cứ mới về việc bị cáo đã nộp khoản tiền hình phạt bổ sung mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt; Các chứng cứ chứng minh bị cáo hiện sắp sinh con, gia đình có cha mẹ đều đang bị bệnh làm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mặt khác, Hội đồng xét xử cũng xét thấy: Mức hình phạt Tòa sơ thẩm xử bị cáo là có phần nghiêm khắc hơn các bị cáo khác bị truy tố cùng Điều khoản trong khi đó tổng giá trị hàng mua bán bị cáo bị quy kết số tiền nhỏ hơn rất nhiều lần các bị cáo khác và bản thân khi xét xử lại đang mang thai.

Từ những nội dung phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử tại cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo hướng không áp dụng tình tiết tăng nặng hình phạt theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự mà áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; và xác định bị cáo là đồng phạm với vai trò thứ yếu để áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 từ đó xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị cáo bị truy tố xét xử. Nội dung giảm án này là thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của bị cáo (bị cáo phạm tội khi mới tốt nghiệp ra trường, bản thân đang có thai sắp đến ngày sinh, gia đình neo người cha mẹ đều có bệnh nền).

[3.4] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trương Thùy T1

Căn cứ kết quả điều tra và lời khai nhận của bị cáo T1 đã đủ cơ sở xác định: Các bị cáo T1 và H8 là những người làm thuê giúp sức cho bị cáo C, theo thỏa thuận thuê người làm công từ bị cáo C thì H8, T1 là những người trực tiếp với công việc đóng gói, dán nhãn hiệu... Sau khi C sản xuất thuốc xong, với thời gian làm là khoảng 10 ngày cũng như việc trợ giúp các việc lật vật trong nhà của bị cáo H8 và cả hai thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng. Như vậy hành vi của Trương Phong H3, Trương Thùy T1 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo C

đối với hành vi “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy vậy, Cơ quan Tố tụng cấp sơ thẩm xác định các bị cáo này phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là chưa đúng. Bởi: Bị cáo C thuê H3 và T1 vào làm thuê ở công đoạn cuối cùng trong khoảng thời gian 10 ngày trong khi đó bị cáo C đã sản xuất thuốc giả trước đó rất lâu. Hơn nữa giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết thống nhất chặt chẽ, phân công phân nhiệm vai trò cụ thể và không được ăn chia lợi nhuận với bị cáo C trong quá trình sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh.

Mặt khác, trong khoảng thời gian 10 ngày làm việc của các bị cáo cũng không có cơ sở khẳng định các bị cáo này đã giúp sức cho bị cáo C sản xuất được bao nhiêu thuốc giả để xác định định lượng làm tình tiết định khung hình phạt. Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo T1 về việc: Xác định bị cáo T1 và bị cáo H3 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo C đối với hành vi “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự và giảm một phần hình phạt cho bị cáo T1 và cả bị cáo H3 tuy là bị cáo không có kháng cáo.

[3.5] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị H1 và Bùi Khắc K4

Căn cứ kết quả điều tra và lời khai nhận của các bị cáo H1 và bị cáo K4 đã đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Hoàng Thị H1 là Giám đốc Công ty TNHH S5, trong thời gian từ tháng 07/2021 đến tháng 8/2021, Nguyễn Xuân C đã đặt H1 in nhãn hiệu thuốc Gold 500 số lượng 5.000 nhãn; Giấy hướng dẫn sử dụng Decotyl số lượng 1.000 nhãn qua tài khoản Zalo của hai bên, mà không ký hợp đồng, cũng như không có giấy tờ chứng minh đã được cơ quan quản lý Nhà nước về y tế có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 21 Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ, với giá trị là 48.000.000 đồng, C đã trả cho H1 số tiền 38.040.000 đồng, rồi không trả tiền còn lại nữa, nên H1 không tiếp tục in mẫu nhãn Ciproxacin 500 cho C, đồng thời H1 đã nộp lại cho Cơ quan điều tra toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Bị cáo Bùi Khắc K là Giám đốc Công ty TNHH MTV V1: trong thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 3/2022 K đã in ấn các nhãn hiệu nhãn thuốc Ciproxacin 500; TerpinCodein; Amoxicilin 500mg, Cephalexin 500mg của Công ty Cổ phần H9 theo số lượng mà Nguyễn Xuân C đặt khoảng 10 lần, khoảng 14.000 tờ thông qua tài khoản Zalo, tài khoản mail của hai bên mà không tuân thủ về giấy tờ chứng minh đã được cơ quan quản lý Nhà nước về y tế có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 21 Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ, tổng số tiền đã thanh toán qua tài khoản là 10.150.000

đồng, được C trả số tiền 10.150.000 đồng. K đã nộp lại cho Cơ quan điều tra toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Với các hành vi nêu trên của các bị cáo H1 và bị cáo K có đủ căn cứ để xác định các bị cáo là đồng phạm giúp sức cho bị cáo C đối với hành vi “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” như việc truy tố xét xử tại cấp sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy vậy, tương tự như các trường hợp của bị cáo T1 và bị cáo H3, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo H1 và bị cáo K được bị cáo C thuê in ấn nhãn mác, sản phẩm một số lần, đối với một số sản phẩm trong khi đó bị cáo C đã sản xuất thuốc giả trước đó; điều quan trọng nhất là giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết thống nhất chặt chẽ, phân công phân nhiệm vai trò cụ thể khi bị cáo C sản xuất thuốc giả. Do vậy các bị cáo này phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo C đối với hành vi “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự (không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức như cơ quan Tố tụng cấp sơ thẩm đã xác định).

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức gián tiếp và thuộc trường hợp cố ý quá tin nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm với bị cáo C là đúng nhưng cũng cần đánh giá thêm về tính chất của hành vi để từ đó cho các bị cáo một sự khoan hồng trước pháp luật. Cụ thể: Bị cáo K thì do tin tưởng nhân viên, không kiểm tra giám sát nhân viên dưới quyền để nhân viên nhận in ấn theo đặt hàng của bị cáo C nên dẫn đến hành vi phạm tội. Đối với bị cáo H1 thì tin tưởng vào hình ảnh giấy phép bị cáo C gửi qua điện thoại, không kiểm tra lại trên thực tế và sau đó đã nghi ngờ việc đặt hàng in của C nên đã chấm dứt việc đặt hàng của bị cáo C. Mặt khác, theo quy định của pháp luật vì các bị cáo này đều bị xử hình phạt 3 năm tù; phạm tội lần đầu có nhiều tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng hình phạt; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra; các bị cáo đã nộp lại tất cả các khoản tiền thu lợi bất chính; các bị cáo đều có nhận thân tốt và hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo Hoàng Thị H1 còn có tình tiết gia đình có công với cách mạng là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo K và bị cáo H1 theo nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự và các tình tiết điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử các bị cáo mức hình phạt bằng với mức án Tòa sơ thẩm đã tuyên nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách là 5 năm cũng đủ giáo dục, răn đe đối với các bị cáo.

Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử tại cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham dự phiên tòa, một phần nội dung bào chữa của các luật sư bào chữa cho các bị cáo; chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị cáo K, H1, P1, T1. Sửa Bản án sơ thẩm về phần hình phạt theo hướng phân tích nêu trên.

Các khoản tiền các bị cáo nộp phạt bổ sung và tiền thu lợi bất chính được khấu trừ trong phần quyết định theo các biên lai các bị cáo đã nộp.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Lý Thị Diễm P1, Trương Thùy T1, Hoàng Thị H1, Bùi Khắc K4 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Xuân C, Phạm Quốc Q2 không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 357, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân C, Phạm Quốc Q2; Chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lý Thị Diễm P1, Hoàng Thị H1, Bùi Khắc K4, Trương Thùy T1. Sửa Bản án sơ thẩm số 112/2025/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần hình phạt của các bị cáo T1, H3, H1, K4, P1.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân C phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”; các bị cáo Phạm Quốc Q2, Lý Thị Diễm P1 phạm tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”; các bị cáo Trương Phong H3, Bùi Khắc K4, Trương Thùy T1, Hoàng Thị H1 phạm tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” .

I/ Về hình phạt

1. Căn cứ các điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 194; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân C** 19 (mười chín) năm tù, về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/12/2022.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân C phải nộp phạt bổ sung số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, để sung công quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ các điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc Q2** 14 (mười bốn) năm tù, về tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/12/2022.

- Buộc bị cáo Phạm Quốc Q2 phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, để sung công quỹ Nhà nước.

3. Căn cứ các điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 194; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Lý Thị Diễm P1** 07 (bảy) năm tù, về tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Buộc bị cáo Lý Thị Diễm P1 phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo đã thi hành xong theo mã biên lai thu tiền điện tử số 0000005 ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trương Phong H3** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/12/2022.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo **Trương Thùy T1** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/12/2022.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị H1** 03 (ba) năm tù, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” nhưng cho bị cáo hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị H1 cho Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Bùi Khắc K4** 03 (ba) năm tù, về tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh” nhưng cho bị cáo hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Khắc K4 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo, phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân C phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 387.825.000 (ba trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng; buộc Phạm Quốc Q2 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 85.000.000 (Tám mươi năm triệu) đồng (bị cáo đã nộp theo biên lai số 0016976 ngày 20/6/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh), để sung công quỹ nhà nước.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị hoặc không liên quan đến các nội dung kháng cáo đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Lý Thị Diễm P1, Trương Thùy T1, Hoàng Thị H1, Bùi Khắc K4 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Xuân C, Phạm Quốc Q2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Công an TP Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP Hồ Chí Minh;
- TTG công an TP Hồ Chí Minh;
- (Tổng đạt cho 3 bị cáo)
- 03 BCTN;
- UBND xã Bình Hưng Hòa;
- UBND xã Lộc An;
- Lưu (5b) 35b (Án NThuy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên

